Chênh lệch Tương đối	Chênh lệch Tuyệt đối	Chỉ tiêu
21,32%	0,0482	1. ROAE
18,64%	0,0279	2. ROA
31,95%	0,0285	3. ROS
-10,12%	-0,17	4. SOA
1,99%	0,03	5. FL

Chú thích lấy công ty B - Công ty A 0,25

2. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn:

Công ty A:

Vòng quay HTK = $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{HTK bq}}$

= $\frac{630.000}{(67.800 + 97.200)/2}$ 0,25

= 7,64 vòng

Thời gian 1 vòng quay HTK = $\frac{360}{\text{Vòng quay HTK}}$

= 47,12 ngày

Vòng quay KPT = $\frac{\text{Doanh thu}}{\text{KPT bq}}$ 0,25

= $\frac{920.000}{(36.000 + 48.600)/2}$

= 21,75 vòng 0,25

Thời gian 1 vòng quay KPT = $\frac{360}{\text{Vòng quay KPT}}$

= 16,55 ngày

Công ty B:

Vòng quay HTK = 1,27 vòng

Thời gian 1 vòng quay HTK = 283,46 ngày

Vòng quay KPT = 3,5 vòng

Thời gian 1 vòng quay KPT = 102,86 ngày

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phách: 105

TÊN HỌC PHẦN: Phân tích tài chính doanh nghiệp

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
7,2	Bảy phẩy hai			- Số tờ: 2 - Mã đề: 03

Kết quả

Câu 1: 2,4

Câu 2: 1

Câu 3: 2

Câu 4: 1,75

Câu 5:

Cộng: 7,2

Câu 1:

1. C
2. C
3. B
4. A
5. A
6. A
7. C
8. A
9. C
10. A

Câu 2:

Hệ số vòng quay HTK = $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{HTK bq}}$ 0,25

Nếu hệ số vòng quay HTK quá cao, hàng tồn kho ít, chứng tỏ động nhiều không phải là điều quá tốt vì khi đó doanh nghiệp sẽ thiếu độ linh hoạt ứng phó với các điều kiện kinh doanh khác. Ví dụ như sản phẩm kinh doanh của doanh nghiệp bất ngờ được tiêu thụ mạnh trên thị trường, nhưng với trữ lượng hàng tồn kho thấp, doanh nghiệp có thể mất đi khả năng cạnh tranh kịp thời, không kịp sản xuất đủ sản phẩm phục vụ nhu cầu của thị trường dẫn đến việc mất lợi thế trong việc cạnh 0,25

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

tranh với các doanh nghiệp khác có cùng mặt hàng có khả năng cung ứng ngay đáp ứng thị trường hoặc những sản phẩm thay thế. Việc duy trì ~~hàng tồn kho ổn định~~ vòng quay hàng tồn kho ổn định, phù hợp sẽ tốt hơn cho doanh nghiệp

Công ty hoạt động tốt có sự tăng trưởng tương ứng giữa lượng hàng tồn kho và lợi nhuận hàng năm là dấu hiệu doanh nghiệp kinh doanh thuận lợi, ~~[illegible]~~ sản phẩm bán được gia tăng cung cầu, có lượng hàng tồn kho tăng đáp ứng nhu cầu của thị trường, đồng thời với uy tín của mình tăng lên theo thời gian nhờ mức tăng trưởng lợi nhuận, doanh nghiệp sẽ dễ dàng tiếp cận khách hàng mới hơn và cũng đảm bảo hàng tồn kho cung ứng ngay.

0,25

Câu 3:

ROA = ROS x SOA

Xây dựng bảng so sánh

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Chênh lệch	
			Tuyệt đối	Tương đối
1. ROA	2,48%	1,46% 0,5	-1,02%	-41,13%
2. ROS	4,43%	2,62% 0,5	-1,81%	-40,86%
3. SOA	0,5[redacted]6	0,5[redacted]58 0,5	-0,002	-0,36%

~~[illegible]~~

~~Lợi nhuận sau thuế~~

Các chỉ tiêu:

Lợi nhuận trước thuế Năm trước = 1.800 triệu đồng

Lợi nhuận trước thuế Năm nay = 1.500 triệu đồng

0,25

Lợi nhuận sau thuế năm trước = 1.440 triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế năm nay = 1.200 triệu đồng

$$ROA = \frac{LNST}{TS\ bq}$$

$$ROS = \frac{LNST}{DT}$$

$$SOA = \frac{DT}{TS\ bq}$$

- Mức độ ảnh hưởng của ROS đến ROA là:

$\Delta Q_{ROS} = (2,62\% - 4,43\%) \times 0,56$

$= -0,010136$

- Mức độ ảnh hưởng của SOA đến ROA là:

$\Delta Q_{SOA} = 2,62\% \times (0,558 - 0,56)$

$= -0,0000524$

$\rightarrow \Delta Q_{ROA} \approx -1,02$

$\approx -0,010136 - 0,0000524$

Nhận xét:

~~Câu 4.~~

~~4. Phân tích so sánh khả năng sinh lời~~

- Dấu Doanh thu thuần ~~[illegible]~~, tổng tài sản bình quân và vốn chủ sở hữu năm sau đều cao hơn năm trước nhưng với việc chi phí quá cao khiến cho ROA giảm
- ROS giảm chứng tỏ doanh nghiệp đã không tối ưu hoá được chi phí của mình, làm cho cân mức doanh thu lớn để tạo ra được lợi nhuận
- SOA không có sự thay đổi đáng kể cho thấy tốc độ quay vòng tài sản vẫn vậy, khá thấp. Chứng tỏ doanh nghiệp cũng đang không tận dụng được tối đa tài sản của mình 0,25

Câu 4:

1. Khả năng sinh lời:

Công ty A:

Chỉ tiêu	Giá trị
1. ROE	22,61%
2. ROA	14,97%
3. ROS	8,92%
4. SOA	1,68
5. FL	1,51

Công ty B

Chỉ tiêu	Giá trị
1. ROE	27,43%
2. ROA	17,76%
3. ROS	11,77%
4. SOA	1,51
5. FL	1,54

0,25

~~Nhận xét:~~

~~- Tỷ suất sinh lời tài sản của~~

~~Chênh lệch~~

HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phách: 105

TÊN HỌC PHẦN: Phân tích tài chính doanh nghiệp

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
7,2	Bảy phẩy hai			- Số tờ: 2 - Mã đề: 03

Kết quả

Câu 1:

Câu 2:

Câu 3:

Câu 4:

Câu 5:

Cộng:

3. Nhận xét

- Em sẽ chọn công ty A để đầu tư vì dấu cho ~~tỷ suất lợi nhuận của~~ khả năng sinh lời A nhỉ lên khả năng sinh lời công ty B nhưng công ty A cho thấy khả năng bán hàng của mình tốt hơn, thời gian ~~hàng~~. Vòng quay HTK cũng thấp hơn, KPT cũng tương tự vậy cho thấy một cơ cấu tài chính cũng khả an toàn hơn, doanh nghiệp có tài sản ngắn hạn tốt hơn, VLĐR tốt hơn 0,5

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

a, Lợi nhuận sau thuế công ty A: 283000

Lợi nhuận sau thuế công ty B: 329100

VCSH = EPS × Cổ phiếu + Lợi nhuận giữ lại (A - B)

Chỉ tiêu	Công thức	Công ty A	Công ty B	Chênh lệch
ROS	LNST / DTT	33,29%	35,77%	-2,48
~~ROA~~				
ROA	LNST / TTS	55,9%	53,98%	1,92
ROE	LNST / VCSH	84,4%	83,36%	1,04

~~VC VCSH công ty A: EPS × cổ phiếu + lợi nhuận giữ lại = 623500~~

VCSH công ty A: cổ phiếu + lợi nhuận giữ lại = 335300

VCSH công ty B: 394800

0,5

Nhận xét

Về Hiệu suất sinh lời trên doanh thu thuần công ty B ưu việt trội hơn công ty A tuy nhiên về hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu thì công ty A lại hơn công ty B. Do tổng tài sản của công ty A nhỏ hơn tổng tài sản công ty B. Thêm nữa, công ty B sử dụng vốn vay bên ngoài lớn hơn công ty A. Nếu là 1 chủ đầu tư, hãy đầu tư vào công ty A bởi vì có tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu cao hơn.

0,25

b, ~~TSDH~~ = TSDH công ty A = 319500

TSDH (B) = 337800

VLĐR = NVDH - TSDH

VLĐR(A) = (506300 - 70400) - 319500 = 116400 0,5

VLĐR(B) = (609700 - 118600) - 337800 = 153300

Hiệu suất vốn lưu động ròng (A - B)

Chỉ tiêu	Công ty A	Công ty B	Chênh lệch
VLĐR / TTS	22,99%	25,14%	-2,15

0,25

Nhận xét:

Hiệu suất vốn sử dụng VLĐR của công ty B tốt hơn so với công ty A. Chứng tỏ công ty B đang sử dụng VLĐR tốt hơn so với công ty A

0,25

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phách: 166

TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
7,4	Bảy phẩy tốn			- Số tờ: 02 - Mã đề: 03

Kết quả

Câu 1: 2,4

Câu 2: 1

Câu 3: 2

Câu 4: 2

Câu 5: 1

Cộng: 7,4

Câu 1:

1. C
2. C
3. D
4. A
5. A
6. A
7. C
8. B
9. C
10. A

Câu 2.

- Hệ số vòng quay hàng tồn kho càng cao cho thấy doanh nghiệp bán hàng nhanh và hàng tồn kho nhiều không bị ứ đọng nhiều, điều này chưa hẳn là hoàn toàn tốt, Bởi vì, Hệ số vòng quay hàng tồn kho cao có thể chứng tỏ khả năng tiêu thụ hàng tồn kho của doanh nghiệp tốt, 0,5 tuy nhiên việc tiêu thụ hàng tồn kho nhanh có thể dẫn tới việc doanh nghiệp bị thiếu hàng tồn kho. Trong 1 số trường hợp, thị trường cần 1 lượng lớn sản phẩm, doanh nghiệp không dự trữ hàng tồn kho để sản xuất, dẫn đến mất lợi thế so với các doanh nghiệp cạnh tranh.

0,25

- Những công ty hoạt động tốt là những công ty có lượng

THÍ SINH CẤM GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

hàng tồn kho và lợi nhuận tăng trưởng tương ứng nhau hàng năm là sai. Bởi vì, nếu hàng tồn kho và lợi nhuận đều tăng trưởng mạnh thì doanh nghiệp có thể đạt được lợi nhuận cao tuy nhiên hàng tồn kho lại bị ứ đọng nhiều, dẫn đến chưa đạt được hiệu quả kinh doanh tốt. Một công ty hoạt động tốt là công ty có lượng hàng tồn kho hợp lý và lợi nhuận tăng trưởng cao, không cần phải tăng trưởng tương ứng với lượng hàng tồn kho.

0,25

Câu 3.

Lợi nhuận sau thuế (LNST) = (Doanh thu thuần - Chi phí bán hàng - Chi phí lãi vay - GVHB - Chi phí quản lý doanh nghiệp) x (1 - 0,2)

0,25

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Chênh lệch
LNST	19920	27760	7840
ROS	61,3%	60,6%	-0,7%
SOA	0,56	0,559 0,5	-0,001
ROA	34,328%	33,9%	-0,428%

Theo Dupont:

$$ROA = ROS \times SOA = \frac{LNST}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Năm trước:

$$ROA = \frac{19920}{32500} \times \frac{32500}{58000} = 0,613 \times 0,56 = 0,34328$$

Năm nay

$$ROA = \frac{27760}{45800} \times \frac{45800}{82000} = 0,606 \times 0,559 = 0,339$$

Nhận xét:

- ROA của năm nay giảm nhẹ so với năm trước (0,428%). Tuy lợi nhuận sau thuế tăng, ~~tuy~~ nhưng tổng tài sản bình quân lại lớn hơn nhiều so với năm trước. Ca
- Cả hai chỉ số ROS và SOA đều giảm nhẹ so với năm trước. Chỉ số ROS giảm so với năm trước bởi vì mặc dù LNST có tăng nhưng Doanh thu thuần lại tăng 1 mức lớn hơn chứng tỏ chi phí ở năm nay tăng mạnh so với năm trước. Chỉ số SOA năm nay giảm nhẹ là do

0,25

tổng tài sản của năm nay tăng mạnh so với năm trước từ 58000 lên 82000 chứng tỏ hiệu quả sinh lời của năm nay kém hơn so với năm trước.

Câu 3: Chưa

Lợi nhuận sau thuế = (DTT - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý - Chi phí lãi vay - giá vốn hàng bán) x (1 - 20%)

Theo Dupont:

$$ROA = ROS \times SOA = \frac{LNST}{DTT} \times \frac{DTT}{\text{Tổng tài sản}}$$

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Chênh lệch
LNST	~~2400~~ 1440	1200 0,25	-240
ROS	4,43%	2,62% 0,5	-1,81%
SOA	0,56	0,559 0,5	-0,001
ROA	2,48%	1,46% 0,5	-1,02%

Năm trước:

$$ROA = \frac{1440}{32500} \times \frac{32500}{58000} = 4,43\% \times 0,56 = 2,48\%$$

Năm nay:

$$ROA = \frac{1200}{45800} \times \frac{45800}{82000} = 2,62\% \times 0,559 = 1,46\%$$

Nhận xét:

ROA năm nay giảm mạnh so với năm trước, chủ yếu là do ảnh hưởng của nhân tố ROS. Chỉ số giảm mạnh chứng tỏ chi phí và giá vốn hàng bán ở năm nay tăng mạnh so với năm trước. Năm nay mặc dù chi phí lớn hơn tuy nhiên doanh thu lại không tăng nhiều dẫn đến lợi nhuận bị tụt giảm. Chỉ số SOA giảm nhẹ do lượng tổng tài sản năm nay tăng mạnh tuy nhiên không mang lại doanh thu quá lớn.

0,25

Câu 4:

HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phách: 106

TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
7,4	Bảy phẩy bốn			- Số tờ: 02 - Mã đề: 03

Kết quả

Câu 1: c, Là 1 nhà đầu tư, em sẽ đầu tư vào công ty A có tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu tốt hơn so với Công ty B. 0,8

Câu 2:

Câu 3:

Câu 4:

Câu 5:

Cộng:

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	+/-
Tài sản ngắn hạn	5.998	10.985	4.987
Tiền và tương đương tiền	124	1535	1.411
~~Khoản phải thu~~	~~784~~	~~1.919~~	~~1.138~~
Hàng tồn kho	1.386	1.000	-386
Nợ phải trả	2.188	2.571	383
Nợ ngắn hạn	2.188	2.571	383
Hệ số TT tổng quát	3,894	5,214 0,5	1,32
Hệ số TT nợ ngắn hạn	2,74	4,27 0,5	1,53
Hệ số TT nhanh	2,11	3,88 0,5	1,77
Hệ số TT tức thời	0,0566	0,597 0,5	0,5404
Tài sản	8.520	13.405	4.885

Nhận xét:

- Từ bảng ta thấy hệ số thanh toán tổng quát tăng từ 3,894 lên 5,214 (chênh lệch 1,32) cho thấy công ty Đức Giang có khả năng thanh toán tốt các khoản nợ. Đã cải thiện rõ rệt đây được coi là tín hiệu tốt.
- Nhìn tổng quan, khả năng thanh toán ngắn hạn đều tăng.

+) Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn từ 2,74 tăng lên 4,27 (gần gấp đôi) phản ánh công ty có thể trả các khoản nợ ngắn hạn nếu đến hạn.

+) Hệ số thanh toán nhanh tăng từ 2,11 lên 3,88 cho thấy ~~công ty~~ nếu không có hàng tồn kho thì khả năng thanh toán của công ty vẫn tăng. Không gây áp lực cho hàng tồn kho.

+) Hệ số thanh toán tức thời từ 0,0566 tăng mạnh mẽ lên 0,597. Cho thấy ở năm 2021, công ty không có khả năng thanh toán tức thời, tức là không có đủ tiền mặt sẵn để trả các khoản nợ

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phách: 107

TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
7,1	Bảy phẩy một			- Số tờ: 02 - Mã đề: 04

Kết quả

Câu 1: 2,8

Câu 2: 1

Câu 3: 1,7

Câu 4: 2,5

Câu 5: \

Cộng: 7,1

Bài làm:

Câu 1:

1. A ✓
2. D
3. C
4. A
5. B
6. D ✓
7. C ✓
8. B ✓
9. B ✓
10. D ✓

Câu 2: Khái niệm, nội dung và ưu, nhược điểm của phương pháp so sánh và phương pháp Dupont.

	Phương pháp so sánh	Phương pháp Dupont
Khái niệm	là phương pháp xem xét một chỉ tiêu phân tích bằng cách dựa trên việc so sánh với một chỉ tiêu cơ sở	là phương pháp dùng để phân tích mối quan hệ giữa các chỉ tiêu tài chính. 0,5
Nội dung	- So sánh kỳ thực tế với kỳ trước	ROE = ROS × SOA × DFL +) ROS = LNST / DTT

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

	- So sánh số thực tế với số kế hoạch - So sánh với số liệu của ngành: doanh nghiệp có cùng ngành, ...	+) SOA = $\frac{DTT}{Tài\ sản}$ +) DFL = $\frac{EBIT}{EBIT - I}$ ROE = ROA : $\left(1 - \frac{NPT}{TS}\right)$ = ROA : $\frac{VCSH}{TS}$ = ROA : Hệ số tự tài trợ
Ưu điểm	- Dễ thực hiện, dễ hiểu - Giúp phát hiện xu hướng và biến động - Có lợi khi so sánh giữa các kỳ với nhau - Phụ thuộc vào chất lượng số liệu	- Phân tích sâu vào khả năng sinh lời - Xác định được yếu tố để doanh nghiệp có hiệu quả
Nhược điểm	- Không chỉ rõ nguyên nhân thay sự tăng, giảm ở từng chỉ tiêu	- Phức tạp - Dễ sai nếu dữ liệu không chính xác - Không xem xét yếu tố bên ngoài.

0,5

Câu 3:

a,

- Lợi nhuận gộp về BH&CCDV = Doanh thu thuần - Giá vốn

+) Lợi nhuận gộp về BH, CCDV$_{2019}$ = 1.230.802 - 908.824
= 321.978 (triệu đồng)

+) Lợi nhuận gộp về BH, CCDV$_{2020}$ = 1.455.768 - 1.085.980
= 369.788 (triệu đồng). 0,5

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp về BH, CCDV + (Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí hoạt động tài chính) - Chi phí bán hàng và QLDN

+) Lợi nhuận thuần từ HĐKD$_{2019}$ = 321.978 + (97.000 - 44.309) - 95.427 - 72.968.
= 206.274 0,25

+) Lợi nhuận thuần từ HĐKD$_{2020}$ =
= 369.788 - (118.538 - 313.379) - 133.178 - 121.882
= 309.569 (triệu đồng)

b, Nhận xét:

- Nhìn vào bảng ta thấy Chi phí từ hoạt động tài chính tăng một cách mạnh mẽ từ 44.309 (tr.đ) lên 313.379 (tr.đ). mà trong đó, chi phí lãi vay không tăng quá cao. Có thể thấy là do doanh nghiệp đầu tư quá nhiều vào cổ phiếu. 0,75 0,25
- Bên cạnh đó chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng nhẹ với mức chênh lệch lần lượt là 37.754 (tr.đ) và 48.914 (tr.đ)
- Tuy nhiên, lợi nhuận thu về từ hoạt động kinh doanh lại tăng từ 206.274 (tr.đ) lên 309.569 (tr.đ). 0,2
- Cho thấy mặc dù doanh nghiệp sử dụng chi phí lớn nhưng doanh nghiệp vẫn thu về lợi nhuận cao, một phần dẫn đến lợi nhuận cao là do doanh thu bán hàng hóa tốt. 0,25

Câu 4:

1. Đánh giá khả năng thanh toán của công ty Đức Giang

Ta có:

- Khả năng thanh toán tổng quát = $\frac{Tài\ sản}{Nợ\ phải\ trả}$
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

+) Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn = $\frac{Tài\ sản\ ngắn\ hạn}{Nợ\ ngắn\ hạn}$

+) Khả năng thanh toán nhanh = $\frac{Tài\ sản\ ngắn\ hạn - Hàng\ TK}{Nợ\ ngắn\ hạn}$

+) Khả năng thanh toán tức thời = $\frac{Tiền\ và\ tương\ đương\ tiền}{Nợ\ ngắn\ hạn}$. 0,25

HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phách: 107

TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
7,4	Bảy phẩy tư			- Số tờ: 02 - Mã đề: 04

Kết quả

Câu 1:

Câu 2:

Câu 3:

Câu 4:

Câu 5:

Cộng:

Bài làm

ngắn hạn.

Vì vậy, đến năm 2022 công ty Đức Giang đã cải thiện rõ rệt khả năng thanh toán của công ty mình. 0,25

2. Đánh giá năng lực hoạt động.

$$ROS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu}}$$

$$SOA = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tài sản}}$$

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tài sản}}$$ 0,25

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

2. Hiệu quả sử dụng vốn lưu động của hai công ty.

Ta có: ~~VLDR = Tài sản lưu động - Nợ lưu động~~

Vốn lưu động trong kỳ

	Đầu năm	Cuối năm	VLĐ
Công ty A	~~151000~~ 103800	151000	47200
Công ty B	185700	220700	35000

~~Vốn~~ 1.

Hiệu quả sử dụng vốn lưu động hay vòng quay vốn lưu động $= \dfrac{\text{Doanh thu}}{\text{Vốn lưu động}}$

$\Rightarrow$ Công ty A: $\dfrac{850.000}{47200} \approx 18$ (vòng) 0,25

Công ty B: $\dfrac{920.000}{35000} = 26$ (vòng)

$\Rightarrow$ Công ty B sử dụng vốn lưu động hiệu quả hơn so với công ty A do vốn lưu động nhỏ và doanh thu cao cụ thể cao hơn 8 0,25

3. Ta có: EPS của công ty B (3,12) lớn hơn so với công ty A (2,65) cho thấy khả năng sinh lời từ mỗi cổ phiếu của công ty B là lớn hơn.

+ $PPS = \dfrac{\text{Cổ tức}}{\text{Số cổ phiếu lưu hành}}$ 0,25

$\Rightarrow$ Nếu em là một nhà đầu tư, em sẽ chọn đầu tư vào công ty B do công ty B có khả năng sinh lời cao hơn công ty A cùng với đó hiệu quả sử dụng ~~von~~ vốn lưu động cũng cao hơn và khả năng sinh lời từ (EPS) cũng cao hơn. 0,25

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phách: 108

TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
8	Tám			- Số tờ: 1 - Mã đề: 03

Kết quả

Câu 1: 2,7

Câu 2: 1

Câu 3: 2

Câu 4: 2,25

Câu 5:

Cộng: 8

BÀI LÀM

Câu 1:

1 c ✓	6 a ✓
2 c ✓	7 c ✓
3 b ✓	8 ~~a~~
4 c ✓	9 c ✓
5 a ✓	10 a ✓

Câu 2:

* Hệ số vòng quay hàng tồn kho càng cao cho thấy doanh nghiệp bán hàng nhanh và hàng tồn kho không bị ứ đọng nhiều. Điều này không hoàn toàn là tốt vì xét về lý thuyết, vòng quay hàng tồn kho càng cao càng tốt doanh nghiệp bán được hàng hoá, hàng hoá được luân chuyển một cách nhanh chóng mang lại dòng tiền cho doanh nghiệp. 0,25 Tuy nhiên, trong thực tế nếu vòng quay hàng tồn kho quá cao (do hàng tồn kho thấp) đối với các doanh nghiệp có độ tiêu thụ cao sẽ dễ dẫn đến thiếu hụt hàng hoá để bán, với ngành có độ cạnh tranh cao thì điều này có thể dẫn đến mất khách hàng. Bên cạnh đó đối với doanh nghiệp cần nguyên vật liệu, hàng hoá hiếm theo vụ, mùa; việc vòng quay cao không tích trữ đủ hàng tồn kho sẽ gây khó khăn cho việc kinh doanh doanh nghiệp, gây áp lực cho nhà cung ứng. Vì vậy, các doanh nghiệp cần cân đối điều chỉnh sao cho vòng quay hàng tồn kho vừa đủ theo đặc thù ngành 0,25

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

* Những công ty hoạt động tốt là những công ty có lường hàng tồn kho và lợi nhuận tăng trưởng tương ứng nhau. Điều này không hoàn toàn đúng bởi vì:

- Công ty hoạt động tốt còn phụ thuộc vào việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tài sản và chi phí. Bởi vậy nó không phụ thuộc quá nhiều vào khả năng tăng trưởng ứng giữa tài sản hàng tồn kho và lợi nhuận.

+ Trong trường hợp lợi nhuận và hàng tồn kho tăng tương ứng trong điều kiện kinh tế phát triển, công ty mở rộng quy mô điều này rất tốt.

+ Tuy nhiên trong trường hợp hàng tồn kho không tăng thậm chí giảm, lợi nhuận vẫn tăng do công ty quản lý chi phí một cách hiệu quả hoặc giá nguyên vật liệu giảm điều này cũng là hoàn toàn tốt thể hiện năng lực hoạt động của doanh nghiệp. 0,25

Câu 3:

Ta có: Phương trình Dupont đối với ROA

ROA = Lợi suất sinh lời trên doanh thu × Vòng quay tài sản

hay $ROA = ROS \times SOA = \frac{LNST}{Doanh\ thu} \times \frac{Doanh\ thu}{Tài\ sản\ bình\ quân}$

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Chênh lệch (%)
EAT (tốt)	1440	1200 0,25	≈-16,67%
ROS (%)	4,43%	2,62% 0,5	≈-40,86%
SOA (vòng)	0,56	0,558 0,5	≈ 0,4%
ROA (%)	2,48%	1,46% 0,5	≈41,13%

* Nhận xét: Nhìn chung có thể thấy ROA năm nay giảm mạnh xuống còn 1,46% giảm 1,02% (tương đương 41,13%) so với năm trước cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của doanh kém đi do lợi nhuận sau thuế giảm cùng với đó tổng tài sản bình quân tăng mạnh. 0,25

* Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp theo Dupont:

$ROA_1 - ROA_0 = ROS_1 \times SOA_1 - ROS_0 \times SOA_0$

Ta có:

$\Delta ROA_{ROS} = \cancel{ROS_1 \times SOA_0 - ROS_0 \times SOA_0}$

$= (ROS_1 - ROS_0) \times SOA_0$

$= (2,62 - 4,43) \times 0,56$

$= -101,36\ \%$

$\Delta ROA_{SOA} = ROS_1 \times (SOA_1 - SOA_0)$

$= 2,62 \times (0,558 - 0,56)$

$\approx -0,4\ \%$

=> ROA của doanh nghiệp giảm chủ yếu do ROS giảm 101,36% còn SOA giảm khoảng 0,4% (không đáng kể) -> có thể thấy doanh nghiệp quản lý chi phí chưa được hiệu quả khiến ROS giảm mạnh kéo theo ROA giảm 0,25

Câu 4:

1. Phân tích so sánh khả năng sinh lời của 2 công ty.

Chỉ tiêu	Công ty A	Công ty B
Thu nhập Ròng	91300	129.700
Suất sinh lời (ROS) của doanh thu	10,74% 0,25	14,1%
Tài sản bình quân	470750 0,25	511.150
Suất sinh lời của tài sản (ROA)	19,39%	25,37%
Suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)		0,5

=> Nhìn vào bảng có thể thấy các chỉ số thể hiện khả năng sinh lời của ~~RO~~ công ty B đều lớn hơn so với công ty A cụ thể: thu nhập B lớn hơn 38400; ROS cao hơn 3,36%, ROA cao hơn 5,98% => công ty B có khả năng sinh lời tốt hơn 0,25

Câu 3:

a) Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV = DTT ↑ giá vốn hàng bán

+) Lợi nhuận thuần từ hoạt động Kinh doanh
= LN gộp về BH và CCDV − Chi phí bán hàng

=> Hoàn thiện lại bảng:

Chỉ tiêu	2019	2020
5. LN gộp về BH và CCDV	321.978	369.788
11. LN thuần từ hoạt động KD	226.551	236.010

0,5

b) Nhận xét:

+) Chi phí hoạt động tài chính: năm 2019 đạt 44.309 đến năm 2020 đạt 313.379 cho thấy có sự tăng mạnh và tăng khoảng 269070. Đây là sự phát triển mạnh, ổn định của hoạt động tài chính

+) Chi phí bán hàng: cũng giống như chi phí hoạt động tài chính có sự tăng nhẹ từ năm 2019 là 95.427 tăng nhẹ lên 133.178 (năm 2020) và tăng khoảng 37751 mặc dù Rất hơn, không quá cao so với chi phí hoạt động tài chính

0,25

+) Chi phí quản lý doanh nghiệp: cũng tăng nhẹ giống như chi phí bán hàng, năm 2019 đạt 72.968 đến năm 2020 đạt 121.882 (chênh lệch 48.914). Điều này cho thấy công ty vẫn đang ở mức ổn định

0,25

=> Sự biến động của các khoản chi phí có sự tác động mạnh đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Các khoản chi phí của năm đều có sự tăng tuy không nhiều nhưng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, kết vì chi phí tăng cho thấy DN đang phát triển rất tốt.

0,25

HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phách: 109

TÊN HỌC PHẦN: Phân tích tài chính doanh nghiệp

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
8,2	Tám phẩy hai			- Số tờ: 1 - Mã đề: 04

Kết quả

Câu 1: 2,7

Câu 2: 0,5

Câu 3: 1,25

Câu 4: 3,75

Câu 5:

Cộng: 8,2

Câu 1:

1 - A ✓ 6 - D ✓
2 - A ✓ 7 - C ✓
3 - D ✓ 8 - B ✓
4 - B ✗ 9 - B ✓
5 - C ✓ 10 - D ✓

Câu 4:

1) Đánh giá Khả năng thanh toán của công ty Đức Giang (đơn vị tính đồng)

Chỉ tiêu	Công thức	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch giữa 2022 so với 2021 +/−	%
1. Hệ số Khả năng thanh toán tổng quát	TS / NPT	3,9	5,21	1,31	33,58
2. Hệ số Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	TSNH / NNH	2,74	4,27	1,53	55,84
3. Hệ số Khả năng thanh toán nhanh	TSNH − HTK / NNH	2,1	3,88	1,78	84,76
4. Hệ số Khả năng thanh toán tức thời	Tiền và tương đương tiền / NNH	56,67	0,6	−56,07	−98,9

0,25 0,25 0,25 0,25

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

- Dựa vào số liệu vừa tính được ta thấy:

+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát cuối năm 2022 > năm 2021 (lớn hơn 1,31) cho thấy công ty đang ở mức ổn định, không quá thấp cũng không quá cao. Tỉ lệ % chiếm 33,58% bằng $\frac{1}{3}$ 1144 vẫn đang ở mức ổn định không quá mạo hiểm.

+ Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn: từ 2,74 năm 2021 tăng lên sang năm 2022 đạt 4,27 cũng là một sự phát triển vượt trội. Tỉ lệ % đạt 55,84% chiếm $\frac{1}{2}$ 1,84% ổn định hơn nhiều so với hệ số khả năng thanh toán tổng quát.

+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh: năm 2021 đạt 2,1 đến năm 2022 tăng lên 1,78 đạt 3,88. Tuy sự tăng lên cũng đang ở mức ổn định không quá thấp cũng không quá cao. Tỉ lệ % đạt mức 84,76% cao nhất trong cấu hệ số khả năng thanh toán của công ty.

+ Hệ số khả năng thanh toán tức thời giảm cực mạnh từ năm 2021 đạt 55,67 đến năm 2022 giảm còn 0,6 (giảm 56,07) đây khiến cho công ty rơi vào tình trạng mạo hiểm. Tỉ lệ đạt con số -98,9 đây là con số đáng lo ngại ngại. Điều này ảnh hưởng lớn đến khả năng thanh toán công ty. 0,25

2) Đánh giá năng lực hoạt động của công ty Đức Giang:

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Công thức	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch năm 2022 so với 2021 +/-	Chênh lệch năm 2022 so với 2021 %
Số vòng quay HTK	Giá vốn hàng bán / HTK	4,6	7,694	3,094	67,26
Kỳ tồn kho bình quân	Số ngày trong kỳ / Số vòng quay HTK	79,34	47,4	-31,94	-40,25
Số vòng quay khoản phải thu	DTT / Các khoản phải thu	0,012	7,52	7,508	62566,6
Kỳ phải thu bình quân	Số ngày trong bài / Số vòng quay phải thu	30416,6	48,5	-30368,1	-99,8

0,5

0,5

- Dựa vào bảng số liệu vừa tính được ta thấy năng lực hoạt động của công ty Đức Giang như sau: về HTK thì:

~~+ Về cấu khoản phải thu:~~ Số vòng quay tồn kho cuối năm 2022 > 2021 (7,694 > 4,6) lớn hơn 3,094 cho thấy có sự biến động nhẹ giữa cuối năm. Tuy nhiên kỳ tồn kho bình quân lại giảm: năm 2021 là 79,34 nhưng đến năm 2022 giảm còn 47,4 (giảm 31,94) dẫn đến tỉ lệ % cũng giảm. Điều này ảnh hưởng đến năng lực của công ty. 0,25

+ Về cấu khoản phải thu: có sự tăng mạnh giữa năm 2021 đến 2022 (0,012 < 7,52) tăng 7,508 cho thấy công ty đang ổn định và trên đà phát triển.

=> Hàng tồn kho có sự tăng nhẹ nhưng vẫn không mạnh bằng sự tăng của khoản phải thu. 0,25

Câu 2:

- Phương pháp so sánh: là phương pháp so sánh sự tăng giảm cả hệ số của cấu năm, có 2 loại so sánh là so sánh ~~theo chiều ngang và so sánh theo chiều dọc~~

+ Ưu điểm: dễ tính, có sự linh hoạt

+ Nhược điểm: có thể sai số trong quá trình tính toán dẫn đến sự sai lệch

+ So sánh theo thời gian, không gian kết hợp 0,5